TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỐC OAI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2017/HSST;
Ngày17/8/ 2017.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỐC OAI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hồng Thiết

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Nho Bản.

2. Ông Nguyễn Văn Đức.

- *Thư ký phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Thu; Thư ký Toà án nhân dân huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội;

- *Đại diện Viện kiểm sát:* Ông Đỗ Mạnh Hà; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện QO, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa;

Ngày17 tháng 8 năm 2017, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện QO, thành phố Hà Nội; Toà án nhân dân huyện QO xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 53/2017/HSST ngày 22 tháng 7 năm 2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Quốc A sinh năm 1988. Tại xã A, huyện QO, thành phố Hà Nội; nơi ĐKTT và nơi ở: thôn X, xã M, huyện QO, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp Lao động tự do; trình độ văn hóa 9/12; dân tộc Kinh; tôn giáo Không**;** con ông Nguyễn Quốc H, sinh năm 1964 và bà Thạc Thị L, sinh năm 1973; vợ con chưa có.

Theo danh bản, chỉ bản số 112 lập ngày 10/5/2017 tại Công an huyện QO thì bị cáo không có tiền án tiền sự:

Bị cáo tại ngoại (có mặt);

- Người bị hại:

Anh **Trần Quang B**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn X, xã M, huyện QO, thành phố Hà Nội; (Có mặt).

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

NỘI DUNG VỤ ÁN

Khoảng 08 giờ 30 ngày 23/02/2017, Nguyễn Quốc A điều khiển xe máy mượn của Nguyễn Quốc T cùng thôn đi đến nhà anh Trần Quang D để mượn xe. Đến nơi A để xe máy trước cửa hợp tác xã thôn X đối diện cổng nhà anh D thì gặp bà Vũ Thị Chặn mẹ anh D. A hỏi bà Chặn anh D có nhà không bà Chặn trả lời không biết, A liền đi vào nhà anh D thấy không có ai ở nhà và nhìn thấy chiếc xe máy BKS: 29V7 – 3858. A nảy sinh ý định trộm cắp và dắt chiếc xe ra khỏi cổng thì gặp bà Chặn, bà Chặn hỏi A dắt xe đi đâu, A nói dối là đã hỏi mượn xe anh D rồi. Sau đó A hỏi mượn chìa khóa xe của chị Vũ Thị C ngồi bán thịt gần đó mở ổ khóa điện xe máy và bỏ đi, trên đường A gặp anh Nguyễn Đức M là bạn nhờ M quay lại hợp tác xã X để trả lại T. Sau đó A mang xe của anh D đi tiêu thụ gặp bạn là Phí Hữu V. A nhờ V mang chiếc xe đi cầm đồ, V đồng ý cùng đi xe đến quán cầm đồ của anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1970 ở thôn Q, xã M, huyện QO. V cầm cố cho Đ lấy 3.000.000 đồng và đưa cho A.

Ngày 07/3/2017 anh D làm đơn trình báo Cơ quan Công an huyện QO. Ngày 08/5/2017 A đến Công an huyện QO đầu thú khai nhận T bộ hành vi trộm cắp của mình.

Đối với Phí Hữu V, A nhờ V đi cầm cố chiếc xe BKS: 29V3 – 3858 không biết A trộm cắp, cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với Nguyễn Văn Đ, không thừa nhận việc cầm cố xe máy cho V và A, ngoài lời khai của V và A thì không có tài liệu nào khác để khẳng định nên không có cơ sở xem xét.

Vật chứng thu giữ: 01 đăng ký xe máy BKS: 29V3 – 3858; 01 chìa khóa xe thu giữ của anh D.

* Tại kết luận định giá tài sản số 12/KL- HĐĐG ngày 08 tháng 03 năm 2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện QO. Kết luận: Giá trị chiếc xe mô tô BKS: 29V3 – 3858, nhãn hiệu HONDA, số khung 6129796, số máy: 129804 là **7.200.000đ** (*Bảy triệu hai trăm nghìn đồng*);

Về trách nhiệm dân sự:

A đã bồi thường cho anh Trần Quang D số tiền 7.000.000 đồng anh D không yêu cầu bồi thường thêm gì.

Tại bản cáo trạng số 50/CT - VKS ngày 21/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội đã truy tố bị cáo Nguyễn Quốc A về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự. Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận giữ nguyên quyết định đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc A phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự; điểm b, h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo từ 6 đến 9 tháng tù.

Về xử lý tang vật: Đề nghị hội đồng áp dụng điều 41Bộ luật hình sự; điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại anh D 01 đăng ký xe máy BKS: 29V3 – 3858; 01 chìa khóa xe.

Bị cáo không tranh luận và không đề nghị gì.

Người bị hại không tranh luận gì, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, về trách nhiệm dân sự không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm, đề nghị cho xin lại đăng ký và chìa khóa xe máy.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Về hành vi, quyết định Tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện QO, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện QO, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về diễn biến quá trình thực hiện hành vi phạm tội:

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo và lời khai của người bị hại; những người tham gia tố tụng khác tại Cơ quan điều tra, đều phù hợp với nhau, phù hợp với vật chứng đã được thu giữ. Do đó Hội đồng có đủ căn cứ để khẳng định. Bị cáo và Đề đều là bạn của nhau, biết Đề có 01 chiếc xe máy lúc đầu bị cáo ý định đến để mượn xe sau khi đến nhà anh D bị cáo gặp bà Chặn là mẹ Anh D bị cáo hỏi anh D có nhà không bà Chặn trả lời không biết, bị cáo liền đi vào nhà anh D thấy không có ai ở nhà nhìn thấy chiếc xe máy BKS: 29V7 – 3858, bị cáo đã nảy sinh ý định trộm cắp và dắt chiếc xe ra khỏi cổng thì gặp bà Chặn, bà Chặn hỏi dắt xe đi đâu bị cáo nói dối là đã hỏi mượn xe anh D. Sau đó bị cáo hỏi mượn chìa khóa xe của chị Vũ Thị C ngồi bán thịt gần đó mở khóa điện đem đi tiêu thụ thì gặp V là bạn nhờ V đi cầm cố cho Đ lấy 3.000.000 đồng

Tại đơn xin đầu thú BL 95 và bản khai BL 104 bị cáo đã thừa nhận:

" Tôi mượn xe của anh T tôi gặp mẹ anh D ở ngoài cổng và hỏi thì biết Đề không có nhà, thấy vậy tôi đi bộ vào nhà thấy xe máy của Đề dựng tại sân

nên tôi nảy sinh ý định trộm cắp. Tôi dắt xe ra cổng ngõ mượn khóa xe của chị Lộc thì gặp mẹ Đề hỏi lý do tôi nói dối đã mượn xe của Đề rồi….".

Với hành vi trên của bị cáo đã thực hiện thì bị cáo đã phạm tội "*Trộm cắp tài sản"*. Tội danh và hình phạt đ- ợc quy định tại khoản 1 điều 138 của Bộ luật hình sự. Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện QO đã truy tố bị cáo là hoàn toàn chính xác đúng pháp luật.

Tội danh và hình phạt được quy định như sau:

Điều 138 quy định

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về hành vi chiếm đoạt tài sản chưa được xoá án tích mà còn vi phạm thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, làm mất trật tự trị an xã hội gây hoang mang bất bình trong quần chúng nhân dân.

Về tình tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ sau:

- Tự nguyện bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả;

- Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;

- Thành khẩn khai báo;

- Sau khi phạm tội đã đầu thú;

Các tình tiết nêu trên được quy định tại điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được viện dẫn, mặc dù bị cáo thành khẩn khai báo, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Xong bị cáo thể hiện không thực sự ăn năm hối cải, còn có thái độ coi thường kỷ cương pháp luật của nhà nước nên Hội đồng xét thấy cần cách ly xã hội đối với bị cáo một thời gian để cải tạo giáo dục phòng ngừa chung như mức án đề nghị của viện kiểm sát là thỏa đáng.

Đối với Phí Hữu V được bị cáo nhờ đi cầm cố chiếc xe BKS: 29V3 – 3858 V không biết xe do bị cáo trộm cắp, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý nên hội đồng không xét.

Đối với Nguyễn Văn Đ, không thừa nhận việc cầm cố xe máy cho V và A, ngoài lời khai của V và A thì không có tài liệu nào khác để khẳng định Đ đã nhận cầm cố chiếc xe trên Cơ quan điều tra không có cơ sở xem xét nên hội đồng không đề cập.

Về vật chứng vụ án: 01 đăng ký xe máy BKS: 29V3 - 3858; 01 chìa khóa xe thu giữ của anh D là chiếc xe anh D mua lại của anh Nguyễn M Quân, chủ cửa hàng mua bán xe cũ tại thị trấn QO, là tài sản hợp pháp của anh D, hiện tại Cơ quan điều tra chưa thu hồi được, anh D đã nhận lại giá trị tài sản tương ứng. Nếu truy tìm được chiếc xe trên thì xem xét giải quyết thành vụ kiện hoặc vụ án khác. Vậy các vật chứng trên trả cần lại cho anh D theo quy định tại khoản 2 Điều 41 và điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Về trách nhiệm dân sự:

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa anh D đã nhận số tiền 7.000.000 đồng của bị cáo và không yêu cầu bồi gì thêm nên không xét.

Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo: **Nguyễn Quốc A** phạm tội "*Trộm cắp tài sản"*

Áp dụng khoản 1 điều 138; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2, Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: **Nguyễn Quốc A** 6 *(Sáu)* tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2. Về vật chứng vụ án:

Áp dụng khoản 2 Điều 41 Bộ luật hình sự và điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự; trả lại anh Trần Quang D 01 đăng ký xe máy BKS: 29V3 - 3858; 01 chìa khóa xe. Các vật chứng trên có đặc điểm ghi như trong biên bản giao nhận vật chứng số 40/2017/THA ngày 25/7/2017 giữa công an huyện Quốc Oai và chi cục Thi hành án dân sự huyện Quốc Oai

3. Về án phí:

□p dụng khoản 2 điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a, khoản 1, điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH.

Buộc bị cáo phải chịu 200.000 *(Hai trăm nghìn*) đồng đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 231, Điều 234 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện QO;
- Chi cục THADS huyện QO;
- Công an huyện QO;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu: Hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hồng Thiết